TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 201/2026/QĐST-DS	*Cần Thơ, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 852/2026/TLST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP X**

  Địa chỉ: Tầng H, Văn phòng số L+16 Tòa nhà V, số G đường L, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

  Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Lê Anh T (văn bản ủy quyền ngày 09-6-2026).

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Trung N**, sinh năm 1989

  Địa chỉ: Khu V, phường P, thành phố Cần Thơ.

  Bà **Dương Bích T1**, sinh năm 1988

  Địa chỉ: Số B khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn ông Huỳnh Trung N và bà Dương Bích T1 thống nhất trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP X số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 07-8-2026 theo Hợp đồng tín dụng số 1508LAV250090310 là 2.277.769.673 đồng (bao gồm nợ gốc 2.180.000.000 đồng, lãi trong hạn 95.649.863 đồng, lãi chậm trả lãi 2.119.810 đồng). Hợp đồng tín dụng số 1508LAV240067010 là 411.904.698 đồng (bao gồm nợ gốc 374.995.000 đồng, lãi trong hạn 34.714.444 đồng, lãi chậm trả lãi 1.212.540 đồng, lãi quá hạn 982.714 đồng). Thẻ tín dụng số thẻ: 4364-08xx-xxxx-6414 số tiền 26.788.594 đồng (bao gồm nợ gốc 22.799.522 đồng và lãi vay thẻ tín dụng 3.989.072 đồng). Thẻ tín dụng số thẻ: 3566-80xx-xxxx-8543 số tiền 3.133.882 đồng (bao gồm nợ gốc 2.686.088 đồng, lãi vay thẻ

tín dụng 447.794 đồng). Thẻ tín dụng số thẻ: 4027-xxxx-xxxx1998 số tiền 110.715.599 đồng (bao gồm nợ gốc 94.950.958 đồng, lãi vay thẻ tín dụng 15.731.641 đồng, phí phát sinh 33.000 đồng). Thẻ tín dụng số thẻ: 4363-08xx-xxxx-5884 số tiền 10.525.872 đồng (bao gồm nợ gốc 9.496.466 đồng, lãi vay thẻ tín dụng 1.029.426 đồng). Thẻ tín dụng số thẻ: 4027-37xx-xxxx-8143 số tiền 199.419.875 đồng (bao gồm nợ gốc 179.998.948 đồng, lãi vay thẻ tín dụng 19.387.927 đồng, phí phát sinh 33.000 đồng). Thẻ tín dụng số thẻ: 3566-80xx-xxxx-3729 số tiền 10.476.379 đồng (bao gồm nợ gốc 9.499.740 đồng, lãi vay thẻ tín dụng 943.639 đồng, phí phát sinh 33.000 đồng). Tổng cộng số tiền buộc ông N và bà T1 phải trả là 3.050.734.572 đồng (Ba tỷ không trăm năm chục triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng).

- Thời gian và cách trả: Thống nhất sẽ giải quyết tại cơ quan thi hành án.

- Trường hợp ông Huỳnh Trung N và bà Dương Bích T1 không trả được số nợ trên hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng TMCP X thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 71, diện tích 81,0m^2 (đất ở tại đô thị) tọa lạc tại khu vực I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348731, số vào sổ cấp GCN: CH08104 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 25-6-2015 cho bà Dương Thúy H đứng tên được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N cập nhật chỉnh lý sang bà Dương Bích T1 vào ngày 25-4-2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 042/2023/EIBCR-TD/TCTS ngày 20-4-2023.

- Kể từ ngày 08-8-2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), ông Huỳnh Trung N và bà Dương Bích T1 phải chịu; Ngân hàng TMCP X đã nộp xong nên ông Huỳnh Trung N và bà Dương Bích T1 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Trung N và bà Dương Bích T1 phải chịu theo quy định pháp luật là 46.507.346 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm lẻ bảy nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X được nhận lại 42.556.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007846 ngày 22-4-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1- Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Phượng